

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2019

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thu.

2. Ông Nguyễn Văn Giúp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Cháu Lộc M - sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: anh Đặng Văn L - sinh năm 1970.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cháu Lộc M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn L có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 11/11/1987 tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, nhưng không đi đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi về chung sống, chị và anh L do không hiểu biết pháp luật, tuy được cán bộ thôn vận động nhưng không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Thời gian đầu chị và anh L

chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi bời quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình. Chị nhiều lần nói chuyện khuyên bảo nhưng anh L không thay đổi. Từ năm 2015 đến nay, anh L còn thường xuyên chửi mắng, đánh đập chị. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đặng Văn L.

- Về con chung: Chị và anh Đặng Văn L có 03 con chung là Tăng Tài M1 – sinh ngày 29/12/1989; Đặng Nhì M2 – sinh ngày 19/11/1992 và Đặng A T – sinh ngày 19/3/1993. Cháu Tăng Tài M1 trong giấy khai sinh có khai mang họ Tăng là theo tiếng dân tộc, họ Tăng và họ Đặng là một họ; cháu Đặng Nhì M2 trong giấy khai sinh có ghi sinh ngày 19/11/1992 là do trong quá trình đăng ký giấy khai sinh bị nhầm lẫn. Thực tế là cháu Đặng Nhì M2 sinh năm 1991. Chị cam đoan cả 03 con đều là con chung của chị và anh L. Hiện nay cả 03 con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), không bị hạn chế về thể chất và tinh thần, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị và anh Đặng Văn L tự thỏa thuận, không có nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Đặng Văn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa, nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019 anh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Cháu Lộc M có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 11/11/1987 tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, nhưng không đi đăng ký kết hôn với nhau. Tuy được cán bộ thôn vận động nhưng do đã nhiều tuổi, hiểu biết pháp luật hạn chế, nên anh và chị M không đi đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng dần dần giữa anh và chị M phát sinh mâu thuẫn. Từ khoảng năm 2015 đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M đi làm xa và có quan hệ với người đàn ông khác, không chịu chăm lo nhà cửa. Do tức quá nên vài lần anh có chửi mắng và vợ chồng có xảy ra xô xát. Thôn xóm đã tiến hành hòa giải và khuyên bảo chị M nhiều lần nhưng không có kết quả. Còn việc chị M cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác là không đúng, là do chị M tự bịa đặt như vậy. Anh xác định anh và chị M không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa nên đồng ý theo yêu cầu của chị M.

- Các vấn đề con chung, tài sản chung và án phí: anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Cháu Lộc M.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn xin xử vắng mặt, đã vi phạm khoản 15 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cháu Lộc M, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Chị M có đơn khởi kiện (Về việc không công nhận quan hệ vợ chồng) giữa chị với anh Đặng Văn L. Đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Anh Đặng Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa, nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh L là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn: chị M và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 11 tháng 11 năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Pháp luật. Đồng thời trong các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T nơi chị Cháu Lộc M cư trú trước khi về chung sống với anh Đặng Văn L và Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T nơi anh L cư trú trước khi chung sống với chị M và là nơi chị M và anh L cùng cư trú từ năm 1987 cho đến nay đều xác nhận, chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Việc chị M và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 11/11/1987 nhưng không đăng ký kết hôn đã vi phạm điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình quy định nam và nữ chung sống với

nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, tức là từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003. Tuy nhiên kể từ ngày 01/01/2001 cho đến nay, mặc dù có đủ điều kiện nhưng chị M và anh L vẫn không đi đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc thi hành một số quy định về xử lý việc kết hôn trái pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L có 03 con chung là Tăng Tài M1 – sinh ngày 29/12/1989; Đặng Nhì M2 – sinh ngày 19/11/1992 và Đặng A T – sinh ngày 19/3/1993.

Hiện nay cả 03 con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), không bị hạn chế về thể chất và tinh thần. Anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

[4] Về tài sản chung: chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L tự thỏa thuận giải quyết, không có nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[5] Về án phí: chị Cháu Lộc M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cháu Lộc M.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L.

2. Về con chung: chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L có 03 con chung tên là Tăng Tài M1 – sinh ngày 29/12/1989; Đặng Nhì M2 – sinh ngày 19/11/1992 và Đặng A T – sinh ngày 19/3/1993.

Hiện nay cả 03 con chung đều đã thành niên (đủ 18 tuổi), không bị hạn chế về thể chất và tinh thần. Chị M, anh L không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

3. Về tài sản chung: chị Cháu Lộc M và anh Đặng Văn L tự thỏa thuận giải quyết, không có nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

4. Về án phí: chị Cháu Lộc M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008128 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Cháu Lộc M có mặt, có quyền kháng cáo bản án này theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Đặng Văn L vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND huyện Tiên Yên;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, QĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lý Văn Thái